TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HS- ST
Ngày 09-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈN BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang
Ông Giáp Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/HSST-QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Ngọc T, sinh năm 1990

Tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp:tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định được và bà: Bùi Thị N; vợ: Hoàng Thị X; con: có 1 con, sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 05/02/2010, T bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Xâm hại sức khỏe của người khác", chưa chấp hành đã hết thời hiệu. Ngày 03/11/2021, T bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", chưa chấp hành đã hết thời hiệu.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên toà).

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Thân Văn L -Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt)

* Bị hại: anh Phan Văn N1, sinh năm 1990 (có mặt)
Địa chỉ: thôn B, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1999 (có mặt)
- Chị Dương Thị L1, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Đều ở địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1987 (có mặt)
Địa chỉ: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Anh Trần Đình H, sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ: thôn I, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An.
- Anh Trương Văn H1, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
* Người làm chứng:
- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1997 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Dương Thị L1, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã N, huyện T có thuê anh Phan Văn N1, sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An làm công trình tại Công ty V ở khu Công nghiệp C, tỉnh Phú Thọ nhưng còn nợ anh N1 khoảng hơn 200.000.000đ chưa trả. Ngày 08/01/2024, anh N1 cùng một số người đến nhà chị L1 để đòi tiền nhưng chị L1 cho rằng do công trình chưa được chủ thầu nghiệm thu nên chưa thanh toán tiền cho anh N1. Từ ngày 09/01/2024 đến ngày 11/01/2024, anh N1 cùng anh Trần Đình H, sinh năm 1992 ở thôn I, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An và anh Trương Văn H1, sinh năm 1996 ở thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (đều là những người làm công trình cùng anh N1) tiếp tục đến nhà chị L1 đòi tiền nhưng không được nên có hành vi căng băng zôn, thắp hương trước cửa nhà chị L1 mục đích yêu cầu chị L1 trả tiền.

Do gia đình chị L1 đang sinh sống ở khu vực chợ N2 và không muốn làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh buôn bán của gia đình và các hộ dân xung quanh nên chị L1 gọi điện cho anh Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1987 ở thôn L, xã N, huyện T (là người trong tổ tự quản chợ N2) nhờ anh Q yêu cầu nhóm anh N1 rời khỏi khu vực nhà chị L1. Khoảng 18 giờ ngày 10/01/2024, anh Q đã gọi điện cho Bùi Ngọc T, sinh năm 1990, trú tại thôn H, xã N, huyện T bảo *"xuống chợ anh nhờ tý việc"* nhưng T bận nên không xuống.

Khoảng 7 giờ ngày 12/01/2024, anh N1 cùng anh H và anh H1 tiếp tục đến đòi tiền và ngồi tại ghế đá khu vực trước cửa nhà chị L1 nên chị L1 gọi điện nhờ anh Q bảo nhóm anh N1 rời khỏi nhà chị L1. Do bận nên anh Q gọi điện cho Bùi Ngọc T. Khoảng hơn 15 giờ cùng ngày, T gọi điện cho Vũ Văn T1, sinh năm 1999 ở thôn Đ, xã N, huyện T bảo T1 sang đón T ra chợ N2. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô đón T đến khu vực chợ N2 thì T vào chỗ anh Q thuê trọ, còn T1 đi về chỗ của T1 thuê trọ cạnh đó. Tại đây, T gặp anh Q và Nguyễn Văn T2, sinh năm 1997, trú tại thôn L, xã N, huyện T. Lúc này, Q và T2 có nói việc có người đến nhà chị L1 đòi nợ. Anh Q nói với T là *"em ra bảo bọn nó ra khỏi địa phận chợ cho anh"* thì T đồng ý và

gọi T1 sang đi cùng. T và T1 cùng nhau đi bộ đến chỗ anh N1. Khi thấy anh N1, T nói *"các anh đi ra khỏi phạm vi chợ hộ em cái"* thì anh N1 trả lời *"em đến đây lấy tiền làm của người ta, em có xin người ta đâu"*. T có nhiều câu nói tiếp tục bảo nhóm anh N1 ra ngoài khu vực chợ chờ nhưng nhóm anh N1 không đi. Lúc này, T1 đi đến vị trí anh N1 đang ngồi ở ghế đá và dùng tay phải tát 01 phát vào má trái anh N1 rồi T1 đi ra ngoài ăn mía ở khu vực gần đó. Sau đó T tiếp tục yêu cầu anh N1 ra khỏi khu vực chợ nhưng nhóm anh N1 vẫn không đi nên tay phải T cầm chiếc mũ cối đang đội trên đầu dơ phần lòng mũ hướng lên trên đập 01 phát hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái trúng vào khu vực đỉnh đầu anh N1. Ngay sau đó thì mọi người can ngăn nên T và T1 đi vào khu vực Ki ốt của T1 thuê trong chợ. Khoảng 10 phút sau, T lại đi ra thấy nhóm anh N1 vẫn ở đó nên T đã tát 01 phát vào khu vực cổ, má anh N1 và nói *"Chúng mày ra khỏi phạm vi chợ"*. Khi bị T đánh, anh N1 không nói gì và vẫn ngồi ở ghế đá. Sau khi đánh anh N1, T đi về gặp anh Q thì anh Q nói *"sao chúng mày đánh nó"* thì T nói *"chúng nó cứ thái độ, mặt nó vênh lên nên em đập cho nó cái mũ"*. Sau đó Q đưa T về nhà.

Ngày 13/01/2024, anh N1 làm đơn trình báo vụ việc đến Công an xã N. Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã N tiến hành lập biên bản, kiểm tra, xác định vị trí xảy ra vụ việc và xem xét dấu vết trên cơ thể anh N1 phát hiện vùng đỉnh đầu có 01 vết xước đỏ dài khoảng 03cm.

Ngày 15/01/2024, Công an xã N tạm giữ của Bùi Ngọc T: 01 mũ cối màu xanh đã bị vỡ trong lòng mũ; 01 điện thoại di động OPPO A12 màu đen, đã qua sử dụng, bị vỡ màn hình, số sê ri UWS4LFUAIQW65; Tạm giữ của Vũ Văn T1: 01 điện thoại Iphone 12 (màu xanh) số máy MGJ93TAIA; số sê ri: G6TDT23RDFOW, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Ngày 19/01/2024, anh N1 có đơn đề nghị giám định thương tích, yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T1 và T.

Tại Kết luận giám định số 2053/KLTTCT-TTPY ngày 22/01/2024 của Trung tâm Pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính: Thương tích vết sẹo nông vùng đỉnh đầu kích thước nhỏ: 1%;

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phan Văn N1 tại thời điểm giám định là 1% (một phần trăm).

3. Kết luận khác: Vật, chiều hướng, lực tác động gây thương tích: Thương tích do vật tày gây nên, không xác định được chiều hướng, lực tác động không mạnh.

Ngày 25/01/2024, chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1998, trú tại thôn N, xã V, thị xã V (là cháu chị L1) cung cấp cho Công an xã N: 01 đĩa DVD lưu giữ nội dung video từ camera nhà chị L1 ghi lại diễn biến nội dung vụ việc ngày 12/01/2024.

Ngày 26/01/2024, Công an xã N chuyển hồ sơ kèm theo vật chứng đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 28/01/2024 và ngày 04/3/2024, Cơ quan điều tra tạm giữ của Vũ Văn T1: 01 áo phông cộc tay màu hồng, 01 áo khoác dài tay màu xám, 01 quần soóc cộc màu đen, 01 đôi dép lê màu đen; tạm giữ của Bùi Ngọc T: 01 quần dài vải, màu xám, 01 áo khoác vải dài tay màu đen và 01 đôi dép.

Ngày 08/02/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho Bùi Ngọc T và Vũ Văn T1 xác định hiện trường. Kết quả, T và T1 xác định đúng vị trí đã đánh anh N1 vào ngày 12/01/2024 là khu vực trước cửa nhà chị L1.

Tiến hành kiểm tra điện thoại của anh Q, T và T1 nhưng không phát hiện nội dung trao đổi việc đánh anh N1.

Ngày 19/02/2024, anh H (người đi cùng nhóm anh N1) giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đĩa DVD-R lưu giữ nội dung video ghi lại diễn biến nội dung vụ việc ngày 12/01/2024 .

Ngày 19/02/2024 và ngày 22/02/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho anh N1, T và T1 nhận dạng qua ảnh. Kết quả: anh N1 nhận người trong ảnh số 3 là T, ảnh số 7 là T1; T và T1 nhận ra người trong ảnh số 5 và ảnh số 3 là anh N1.

Ngày 19/02/2024, Cơ quan điều tra Quyết định trưng cầu Viện Pháp y Quốc gia giám định dấu vết máu và ADN đối với chiếc mũ cối thu giữ của Bùi Ngọc T. Tại Kết luận giám định số 145/24/KLGĐADN-PYQG ngày 23/02/2024 của Y kết luận: Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên chiếc mũ cối gửi giám định: Âm tính. ADN thu từ mẫu phết bề mặt phía ngoài mũ ở vùng thẳng với phần lòng mũ bị vỡ có hiện diện đầy đủ các alen của Bùi Ngọc T và Phan Văn N1 trên tất cả các locus STR đã so sánh.

Ngày 20/02/2024, Cơ quan điều tra Quyết định trưng cầu giám định hình ảnh video thu giữ. Tại Kết luận giám định số 539/KL-KTHS ngày 12/03/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung đối với file video "5176385651754.mp4". Không xác định được nội dung trong file video có tên "5171962960666.mp4" có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không, do nội dung hình ảnh được ghi qua tính năng ghi màn hình thiết bị đang trình chiếu.

Ngày 27/02/2024, Cơ quan điều tra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung vật gây thương tích (chiếc mũ cối). Tại Kết luận giám định số 2132/24/KLVGTT-TTPY ngày 07/3/2024 của Trung tâm Pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận: Chiếc mũ cối có đặc điểm nêu trên là vật gây ra được thương tích cho anh Phan Văn N1. Chiều hướng, lực tác động gây thương tích: không xác định được chiều hướng, lực tác động không mạnh.

Cơ quan điều tra cho T1 và T quan sát bản ảnh trích xuất từ camera. Kết quả, T1 và T xác định từ ảnh số 01 đến ảnh số 10 là hình ảnh khi T1 và T đến sau đó đánh anh N1 vào ngày 12/01/2024.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s

khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sư: Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T từ 06 tháng đến 07 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt hoặc tự nguyện thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; Điều 590 Bộ luật dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của anh N1, buộc bị cáo bồi thường cho anh N1 tổng số tiền là 10. 589.500 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01chiếc mũ.

Trả lại bị cáo: 01 chiếc quần dài, 01 chiếc áo khoác, 01 đôi dép.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì với kiểm sát viên chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 3 tháng đến 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên toà bị hại anh Phan Văn N1 yêu cầu bị cáo T bồi thường cho anh 30.000.000 đồng tiền thuê đến các cơ quan để làm việc; 30.000.000 đồng tiền mất thu nhập; 90.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và 3.000.000 đồng tiền khám và thuê xe, tổng là 153.000.000 đồng. Anh N1 không yêu cầu anh Vũ Văn T1 phải bồi thường cho anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nhật Q trình bày: do anh là người quản lý chợ N2 nên chị L1 có nhờ anh đến bảo nhóm của anh N1 rời khỏi khu vực nhà chị L1. Khi được chị L1 nhờ thì anh có nhờ bị cáo để đến nhà chị L1 yêu cầu anh N1 ra khỏi khu vực nhà chị L1, anh không thuê bị cáo T đánh anh N1 hay gây thương tích cho anh N1. Việc bị cáo T đánh và gây thương tích cho anh N1 không liên quan gì đến anh.

Tại phiên toà anh Vũ Văn T1 xác định anh Q không yêu cầu bị cáo T và anh đến nhà chị L1 để đánh anh N1. Khi anh và bị cáo T đến nhà chị L1 do anh N1 có thái độ không hợp tác nên anh đã tát vào má của anh N1 nhưng không gây thương tích gì cho anh N1. Việc anh tát anh N1 không có sự bàn bạc gì giữa anh và bị cáo T, không ai xúi giục anh tát anh N1.

Tại phiên toà anh Trần Đình H trình bày: từ ngày 09/01/2024 đến ngày 12/01/2024, anh cùng anh N1 đến nhà chị L1 để đòi tiền công do chị L1 còn nợ. Quá trình đến đòi tiền nhà chị L1, anh và những người khác không gây mất trật tự gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 12/01/2024, tại trước cửa nhà chị Dương Thị L1 ở thôn Đ, xã N, huyện T, anh Phan Văn N1 cùng anh Trần Đình H và anh Trương Văn H1 đến để đòi chị L1 thanh toán tiền công trình còn nợ. Chị L1 nhờ anh Nguyễn Nhật Q, sau đó anh Q đã nhờ Bùi Ngọc T (là người trong Tổ tự quản chợ N2) đến bảo nhóm anh N1 ra khỏi khu vực chợ nhưng nhóm anh N1 không đi. Bùi Ngọc T đã cầm mũ cối (đang đội trên đầu) là hung khí nguy hiểm đập phần đỉnh mũ 01 phát trúng vào đầu anh N1 gây thương tích 01% (Một phần trăm).

Khi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo và bị hại anh Phan Văn N1 không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã dùng mũ cối là hung khí nguy hiểm đánh vào đầu của anh N1 gây tổn thương sức khỏe 01% nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích". Tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội "Cố ý gây thương tích" với điều luật đã nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo là người có nhân thân không tốt đã nhiều lần bị xử phạt hành chính.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị có không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Đối với Vũ Văn T1 có hành vi dùng tay tát vào má anh N1 (không có thương tích). Tuy nhiên, trước khi cùng T đến gặp nhóm của anh N1 thì T1 và T không trao đổi, bàn bạc gì về việc sẽ đánh anh N1. T1 khai: Khi gặp anh N1, do thấy T bảo anh N1 ra khỏi khu vực chợ nhiều lần nhưng anh N1 không nghe, thấy thái độ anh N1 không hợp tác nên T1 bực tức đã bột phát dùng tay tát nhẹ 01 cái vào má anh N1 sau đó T1 bỏ đi ra chỗ khác. Một lát sau thì T mới đi đến tiếp tục yêu cầu anh N1 ra khỏi khu vực chợ và dùng mũ đánh vào đầu anh N1. T1 không cổ vũ, xúi giục hay giúp sức gì cho T mà do T tự ý dùng mũ cối đánh anh N1, T1 không biết, vì vậy T1 không đồng phạm với T. Ngày 26/4/2024, Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T1.

Đối với 01 điện thoại không lắp sim, 01 áo phông, 01 áo khoác, 01 quần soóc và 01 đôi dép là của Vũ Văn T1. Ngày 26/4/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định chuyển các đồ vật này đến Công an huyện T để xử lý theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T1.

[6] Đối với chị L1 và anh Q: Chị L1 chỉ nhờ anh Q đến bảo nhóm anh N1 rời khỏi khu vực nhà chị L1, không bảo Q đánh ai. Khi được chị L1 nhờ thì anh Q gọi điện nhờ T đến yêu cầu nhóm anh N1 rời khỏi khu vực nhà chị L1. Chị L1 và anh Q không trao đổi, bàn bạc hay thuê T đánh anh N1. Việc T dùng mũ cối đánh anh N1, chị L1 và anh Q không biết, cơ quan điều tra không xử lý đối với chị L1 và anh Q.

[7] Đối với việc anh N1 cùng anh H và anh H1 có hành vi căng băng zôn, thắp hương trước cửa nhà chị L1. Sau khi biết sự việc, Công an xã N đến nhắc nhở thì nhóm anh N1 đã dỡ băng zôn và không thắp hương nữa. Xét thấy hành vi này không gây mất an ninh trật tự tại địa phương, do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra bị hại yêu cầu anh T1 và bị cáo T phải bồi thường tổng số tiền là 243.000.000đ *(Hai trăm bốn mươi ba triệu đồng)*, gồm: Tiền thuê taxi đi khám tại Bệnh viện, tiền thuốc: 3.000.000 đồng; T3 thuê taxi đi lại để làm việc tổng là 30.000.000đ; Tiền mất thu nhập: 30.000.000đ; Tổn thất tinh thần: 180.000.000đ.

Tại phiên toà anh N1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền xe 30.000.000 đồng, tiền mất thu nhập 30.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 90.000.000 đồng, tiền

khám và thuê xe đi khám là 3.000.000 đồng, tổng là 153.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu anh T1 phải bồi thường.

Hội đồng xét xử thấy: Tại Kết luận giám định số 2053/KLTTCT-TTPY ngày 22/01/2024 của Trung tâm Pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính: Thương tích vết sẹo nông vùng đỉnh đầu kích thước nhỏ: 1%, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phan Văn N1 tại thời điểm giám định là 1% (một phần trăm). Anh Vũ Văn T1 có hành vi dùng tay tát vào má anh N1 nhưng không gây thương tích gì cho anh N1. Thương tích nông vùng đầu là do bị cáo T gây ra nên bị cáo T phải bồi thường cho anh N1.

Căn cứ vào các giấy tờ, biên lai do anh N1 giao nộp, cần chấp nhận yêu cầu của anh N1 buộc bị cáo T bồi thường tổn thất về sức khỏe và tinh thần cho anh N1 những khoản tiền thực tế gồm có:

+ Đối với chi phí thuê xe và chi phí khám bệnh anh N1 yêu cầu là 3.000.000 đồng, xét thấy: ngày 12/01/2024, sau khi bị bị cáo T dùng mũ cối đánh vào đầu anh N1. Ngày 17/01/2024 anh nghiêm đã thuê xe đến công an xã N để làm việc và đến trung Tâm tế huyện T để khám bệnh. Chi phí khám hết 596.500 đồng và tiền thuê xe là 1.800.000 đồng. Tuy nhiên anh N1 yêu cầu bị cáo bồi thường là 3.000.000 đồng nhưng ngoài phiếu khám hết 596.500 đồng và tiền thuê xe là 1.800.000 đồng thì anh N1 không cung cấp được tài liệu gì. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N1 buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh N1 số tiền Chi phí khám hết 596.500 đồng và tiền thực tế anh N1 thuê xe là 1.800.000 đồng là phù hợp.

+ Đối với các khoản anh N1 yêu cầu bị cáo T bồi thường gồm có: Tiền thuê taxi đi lại để làm việc với cơ quan chức năng kể từ khi xảy ra vụ việc tổng là 30.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập do phải đi thăm khám và tham gia giải quyết vụ việc: 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh N1 xác định sau khi bị T đánh anh N1 không nằm viện điều trị, đi lại, sinh hoạt bình thường, không nhờ người nuôi dưỡng chăm sóc. Do vậy, anh N1 yêu cầu tiền mất thu nhập 30.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Việc anh N1 thuê xe đi lại để làm việc với cơ quan chức năng, không phải thuê xe để cứu chữa về thương tích do bị cáo T gây ra nên không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 590 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên buộc bị cáo T phải bồi dưỡng phục hồi sức khoẻ cho anh N1 số tiền 3.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 590 Bộ luật dân sự.

+ Tại phiên toà anh N1 yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 90.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu bồi thường tổn thất về tình thần của anh N1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh N1 yêu cầu bồi thường 90.000.000 đồng là quá cao nên cần chấp nhận khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là 3 tháng lương cơ sở do nhà nước quy định cụ thể là: 3 tháng x 2.340.000 đồng = 7.020.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thương tích của anh N1.

Tổng số tiền bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho anh N1 là 596.500 đồng + 1.800.000 đồng +3.000.000 đồng + 7.020.000 đồng = 12.416.500 đồng.

[9] Vật chứng của vụ án: 01 Chiếc mũ cối là công cụ T sử dụng đánh gây thương tích cho anh N1 nên cần tịch thu tiêu huỷ.

+ 01 Chiếc điện thoại di động OPPO A12, màu đen, bị rạn vỡ màn hình, số IMEI 1: 864036041712216, số IMEI 2: 8640 36041712206 không lắp sim được miên phong trong phong bì thư màu trắng là tài sản của T không sử dụng vào việc phạm tội; 01 chiếc quần dài vải màu xám, mặt ngoài phía trước hai ống quần có chữ " HAIGREOTS"; 01 chiếc áo khoác vải dài tay, màu đen, trên áo có in hoa tiết hoa văn màu trắng, mặt trong cổ áo có chữ " GUCCI"; 01 đôi dép, đế màu đen, quai màu trắng đỏ, bằng cao su dẻo trên quai dép có chữ " TOMMY HILFIGER" là tài sản của T. Tại phiên toà bị cáo T đề nghị được xin lại nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảo bảm việc thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo T thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phan Văn N1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 03 tháng đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là không có căn cứ được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Ngọc T phải bồi thường cho anh Phan Văn N1 số tiền 12.416.500 đồng (mười hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ cối màu xanh, bị vỡ trong lòng mũ được đựng trong 01 hộp bìa catton, dán kín, niêm phong.

Trả lại cho bị cáo T: 01 Chiếc điện thoại di động OPPO A12, màu đen, bị rạn vỡ màn hình, số IMEI 1: 864036041712216, số IMEI 2: 8640 36041712206 không lắp sim được miên phong trong phong bì thư màu trắng; 01 chiếc quần dài vải màu

xám, mặt ngoài phía trước hai ống quần có chữ " HAIGREOTS"; 01 chiếc áo khoác vải dài tay, màu đen, trên áo có in hoa tiết hoa văn màu trắng, mặt trong cổ áo có chữ " GUCCI"; 01 đôi dép, đế màu đen, quai màu trắng đỏ, bằng cao su dẻo trên quai dép có chữ " TOMMY HILFIGER" nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí: Điểm d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Ngọc T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phan Văn N1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Kể từ ngày có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu Hs, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Oanh